

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

---

**Thái Nguyên, Tháng 8 năm 2010**

## **MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại TNG (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch
Bà Lý Thị Liên	Thành viên
Ông Lã Anh Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
Bà Lương Thị Thúy Hà	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Thời	Tổng Giám đốc
Ông Lã Anh Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lý Thị Liên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Cao Thị Tuyết	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Nguyễn Văn Thời**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 10 tháng 8 năm 2010

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại TNG

Chúng tôi đã tiến hành soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về các báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như đã trình tại Thuyết minh số 5 Phần thuyết minh báo cáo tài chính, số dư tài khoản 138 - “Các khoản phải thu khác” tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 bao gồm khoản ứng trước lương năm 2010 cho người lao động với số tiền là 7.662.723.796 VND. Nếu thực hiện theo nguyên tắc thận trọng của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - “Chuẩn mực chung”, khoản tiền ứng trước tiền lương cần được hạch toán vào chi phí sản xuất trong kỳ với số tiền là 5.764.379.080 VND và hàng tồn kho với số tiền là 1.898.344.716 VND. Công ty chưa thực hiện bút toán điều chỉnh nào liên quan đến vấn đề nêu trên cho báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề trình bày ở trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến 30 tháng 6 năm 2010 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

---

**Trần Thị Thúy Ngọc**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

---

**Hoàng Văn Kiên**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130 /KTV

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 10 tháng 8 năm 2010  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>291.004.166.925</b>	<b>141.331.376.594</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>18.914.076.165</b>	<b>12.746.019.707</b>
1. Tiền	111	4	18.914.076.165	12.746.019.707
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>118.532.588.649</b>	<b>57.748.618.204</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		87.444.501.125	41.861.436.067
2. Trả trước cho người bán	132		12.878.693.736	5.815.821.754
3. Các khoản phải thu khác	135	5	22.111.328.455	13.316.560.293
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.901.934.667)	(3.245.199.910)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>145.226.331.509</b>	<b>67.027.034.803</b>
1. Hàng tồn kho	141		145.276.331.509	67.027.034.803
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(50.000.000)	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.331.170.602</b>	<b>3.809.703.880</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		551.861.910	1.094.377.086
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.764.152.555	2.094.712.743
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.015.156.137	620.614.051
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>239.146.704.646</b>	<b>213.360.905.967</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>215.633.441.738</b>	<b>191.860.724.517</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	195.464.878.362	174.156.072.519
- Nguyên giá	222		303.147.262.108	268.099.437.764
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107.682.383.746)	(93.943.365.245)
2. Tài sản cố định vô hình	227		3.084.780.482	2.788.303.593
- Nguyên giá	228		3.447.899.835	3.145.822.946
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(363.119.353)	(357.519.353)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	17.083.782.894	14.916.348.405
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.799.740.000</b>	<b>1.300.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	9	499.740.000	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		1.300.000.000	1.300.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>21.713.522.908</b>	<b>20.200.181.450</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		21.713.522.908	20.200.181.450
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>530.150.871.571</b>	<b>354.692.282.561</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010	31/12/2009
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>389.865.831.759</b>	<b>266.052.685.710</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>339.093.791.116</b>	<b>198.060.435.991</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	282.099.004.453	167.392.053.742
2. Phải trả cho người bán	312		38.796.177.136	15.380.456.156
3. Người mua trả tiền trước	313		12.079.194.825	679.054.443
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		1.535.373.014	2.086.067.602
5. Phải trả người lao động	315		-	9.172.012.312
6. Chi phí phải trả	316		1.517.426.570	1.149.936.155
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		217.435.799	490.378.885
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.849.179.319	1.710.476.696
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>50.772.040.643</b>	<b>67.992.249.719</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	11	49.050.397.104	66.172.028.455
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.721.643.539	1.820.221.264
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>	<b>12</b>	<b>140.285.039.812</b>	<b>88.639.596.851</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>140.285.039.812</b>	<b>88.639.596.851</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		86.875.500.000	54.300.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.878.086.362	3.360.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		54.994.591	54.994.591
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		210.501.333	(2.004.592.366)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		14.459.648.854	10.501.747.872
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.080.556.311	3.168.000.000
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.898.556.311	986.000.000
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.827.196.050	18.273.446.754
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>530.150.871.571</b>	<b>354.692.282.561</b>

Nguyễn Văn Thời  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2010

Lương Thị Thúy Hà  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/6/2009</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>247.676.282.319</b>	<b>238.767.787.346</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	112.226.075
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>247.676.282.319</b>	<b>238.655.561.271</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		190.387.480.161	201.133.115.442
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>57.288.802.158</b>	<b>37.522.445.829</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.427.129.749	3.829.416.982
7. Chi phí tài chính	22		19.724.849.395	11.938.361.477
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>11.788.110.595</i>	<i>10.658.252.000</i>
8. Chi phí bán hàng	24		5.233.560.684	2.554.226.717
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.188.330.301	18.519.392.459
<b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>10.569.191.527</b>	<b>8.339.882.158</b>
11. Thu nhập khác	31		17.664.313	1.396.190.946
12. Chi phí khác	32		-	5.532.001
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>17.664.313</b>	<b>1.390.658.945</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>10.586.855.840</b>	<b>9.730.541.103</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	13	1.198.401.450	566.442.990
<b>16. Lợi nhuận thuần sau thuế (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>9.388.454.390</b>	<b>9.164.098.113</b>
<b>17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>14</b>	<b>1.376</b>	<b>1.688</b>

Nguyễn Văn Thời  
Tổng Giám đốc

Lương Thị Thúy Hà  
Kế toán trưởng

Ngày 10 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
		đến 30/6/2010	đến 30/6/2009
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>10.586.855.840</b>	<b>9.730.541.103</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	13.744.618.501	14.996.331.032
Các khoản dự phòng	03	706.734.757	566.917.247
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.427.129.749)	(3.829.416.982)
Chi phí lãi vay	06	11.788.110.595	10.658.252.000
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>34.399.189.944</b>	<b>32.122.624.400</b>
(Tăng) các khoản phải thu	09	(56.736.151.270)	(10.110.878.544)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(78.249.296.706)	8.409.894.363
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.406.821.437)	(34.607.724.891)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(970.826.282)	8.378.097.033
Tiền lãi vay đã trả	13	(10.270.684.025)	(10.658.252.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(423.364.066)	(924.543.665)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(686.410.000)	(324.282.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(117.344.363.842)</b>	<b>(7.715.065.304)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(16.214.433.040)	(12.898.542.018)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(499.740.000)	(300.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(237.406.081)	3.099.250.195
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(16.951.579.121)</b>	<b>(10.099.291.823)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông	31	40.663.586.362	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	281.626.516.792	221.574.299.855
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(181.826.103.733)	(199.564.538.602)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông (i)	36	-	(8.688.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>140.463.999.421</b>	<b>13.321.761.253</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>6.168.056.458</b>	<b>(4.492.595.874)</b>
<b>Tiền tồn đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>12.746.019.707</b>	<b>12.363.630.931</b>
<b>Tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>18.914.076.165</b>	<b>7.871.035.057</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền dùng để mua tài sản cố định trong kỳ không bao gồm số tiền 11.311.843.749 VND, là số tiền dùng để mua tài sản cố định phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

(i) Trong kỳ, Công ty đã chi trả cổ tức với tỉ lệ 10% cho các cổ đông bằng cổ phiếu với giá trị là 5.430.000.000 VND. Một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh giảm vào khoản mục “Tiền thu từ nhận góp vốn của cổ đông” và “Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông”.

Nguyễn Văn Thời  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2010

Lương Thị Thúy Hà  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại TNG (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập theo Quyết định 448 QĐ/UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái ngày 12 tháng 11 năm 1979. Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định 3744/QĐ-UB ngày 16 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2003, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với Giấy phép kinh doanh số 1703000036 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 02 tháng 01 năm 2003. Từ khi thực hiện thành công chuyển đổi thành công ty cổ phần đến ngày lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty đã có mười lần thực hiện sửa đổi Giấy phép kinh doanh vào các ngày 25 tháng 3 năm 2003, ngày 17 tháng 5 năm 2005, ngày 28 tháng 12 năm 2006, ngày 16 tháng 4 năm 2007, ngày 5 tháng 9 năm 2007, ngày 08 tháng 10 năm 2007, ngày 27 tháng 5 năm 2008, ngày 23 tháng 01 năm 2009, ngày 03 tháng 8 năm 2009 và ngày 10 tháng 5 năm 2010.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 6.045 người (31 tháng 12 năm 2009: 5.170 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán hàng may mặc; sản xuất bao bì giấy, nhựa làm túi nilon, áo mưa nilon và nguyên, phụ liệu hàng may mặc; đào tạo nghề may công nghiệp; mua bán máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị phòng cháy chữa cháy; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, đầu tư xây dựng cơ sở kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư; vận tải hàng hóa đường bộ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi, cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh; dịch vụ xuất nhập khẩu, ủy thác xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hóa; mua bán thiết bị vi tính, máy văn phòng, thiết bị viễn thông; dịch vụ cho thuê hosting, đăng ký tên miền, thiết kế website; dịch vụ cho thuê máy vi tính, máy chiếu, lắp đặt sửa chữa máy vi tính, máy văn phòng; mua bán máy, thiết bị, phụ tùng, vật tư cơ khí, điện; dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, cải tạo công trình cơ khí, điện nước; gia công sản phẩm cơ khí.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 48.089.624.191 VND (31 tháng 12 năm 2009: 56.729.059.397 VND) do Công ty sử dụng vốn lưu động để đầu tư tài sản cố định. Công ty đã có kế hoạch bù đắp phần vốn thiếu hụt trên bằng cách phát hành cổ phiếu bổ sung, tiếp tục nhận được các khoản vay từ ngân hàng và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Dựa trên tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh trong năm 2010, Ban Giám đốc Công ty đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn trong năm 2010 và năm 2011. Theo đó, Công ty đã lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Năm 2010</b> <b>(số năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 8

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất thể hiện chi phí mua 10.706 m<sup>2</sup> quyền sử dụng đất tại phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên. Do quyền sử dụng đất này không có thời hạn,

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

theo đó Công ty không trích khấu hao. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang, được trình bày theo giá gốc, bao gồm các chi phí liên quan đến các công trình sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới nhà xưởng của Công ty. Khi công trình xây dựng hoàn thành, giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu cung cấp hàng hóa: Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu dịch vụ gia công may mặc được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có số lượng sản phẩm dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho kỳ sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong kỳ ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong kỳ đó). Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh được phân bổ vào chi phí trong vòng 5 năm tiếp theo.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Trong năm 2010 Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất kinh doanh chính, cụ thể như sau:

- Ưu đãi khi doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa ngày 01 tháng 01 năm 2003: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong vòng 10 năm kể từ 2003; được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo;
- Dự án đầu tư xưởng may ba tầng Xí nghiệp may Việt Đức (TNG1): thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong vòng 10 năm kể từ 2006, miễn 1 năm và giảm 50% trong 4 năm số thuế phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm;
- Dự án đầu tư Nhà máy TNG Sông Công: thuế suất ưu đãi 15% cho 12 năm kể từ 2007; miễn 3 năm và giảm 50% trong 5 năm cho thu nhập phát sinh tại TNG Sông Công.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**

Số 160, đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên

Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN**

	<b>30/6/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.878.259.592	1.887.659.215
Tiền gửi ngân hàng	17.035.816.573	10.858.360.492
	<b>18.914.076.165</b>	<b>12.746.019.707</b>

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>30/6/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu người lao động (i)	7.662.723.796	-
Phải thu khác	14.448.604.659	13.316.560.293
	<b>22.111.328.455</b>	<b>13.316.560.293</b>

(i): Là khoản tiền lương ứng trước cho người lao động chưa được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Ban Giám đốc khẳng định rằng khoản ứng trước nêu trên sẽ được phân bổ toàn bộ vào kết quả kinh doanh trong năm 2010.

**6. HÀNG TỒN KHO**

	<b>30/6/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	1.056.070.417	169.122.432
Nguyên liệu, vật liệu	66.039.119.611	26.618.304.539
Công cụ, dụng cụ	1.080.416.692	959.115.447
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.297.625.570	6.007.241.034
Thành phẩm	62.699.045.644	30.545.351.106
Hàng hóa	4.104.053.575	2.727.900.245
	<b>145.276.331.509</b>	<b>67.027.034.803</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<b>(50.000.000)</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>145.226.331.509</b>	<b>67.027.034.803</b>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 10, Công ty đã thế chấp hàng tồn kho trị giá 2 triệu USD để đảm bảo khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**

Số 160, đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên

Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 31/12/2009	117.866.282.812	135.597.544.707	12.501.568.626	2.134.041.619	-	268.099.437.764
Mua trong kỳ	-	15.040.063.524	2.981.819.089	40.404.952	250.868.855	18.313.156.420
Đầu tư XDCB hoàn thành	16.290.384.494	-	-	-	-	16.290.384.494
Tặng khác	67.643.940	8.993.360.135	2.949.120.151	-	25.252.832	12.035.377.058
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(8.053.756.659)	(3.537.336.969)	-	-	(11.591.093.628)
<b>Tại ngày 30/6/2010</b>	<b>134.224.311.246</b>	<b>151.577.211.707</b>	<b>14.895.170.897</b>	<b>2.174.446.571</b>	<b>276.121.687</b>	<b>303.147.262.108</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 31/12/2009	17.186.404.688	73.802.325.211	2.157.801.017	796.834.329	-	93.943.365.245
Khấu hao trong kỳ	4.318.828.921	8.599.482.915	701.588.948	119.117.717	-	13.739.018.501
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 30/6/2010</b>	<b>21.505.233.609</b>	<b>82.401.808.126</b>	<b>2.859.389.965</b>	<b>915.952.046</b>	<b>-</b>	<b>107.682.383.746</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 30/6/2010</b>	<b>112.719.077.637</b>	<b>69.175.403.581</b>	<b>12.035.780.932</b>	<b>1.258.494.525</b>	<b>276.121.687</b>	<b>195.464.878.362</b>
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>100.679.878.124</b>	<b>61.795.219.496</b>	<b>10.343.767.609</b>	<b>1.337.207.290</b>	<b>-</b>	<b>174.156.072.519</b>

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 và 11, Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 14.706.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và 112.624.928.954 VND để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thái Nguyên.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 18.650.661.659 VND (tại ngày 31 tháng 2009: 18.650.661.659 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**

Số 160, đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên

Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	<b>2010</b>
	<b>VND</b>
Tại ngày 1 tháng 1	14.916.348.405
Tăng	14.187.334.561
Kết chuyển sang tài sản cố định	(12.019.900.072)
Giảm khác	-
<b>Tại ngày 30 tháng 6</b>	<b><u>17.083.782.894</u></b>

**9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	<b>30/6/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	499.740.000	-

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bắc Thái	Thái Nguyên	29	29	Xây lắp điện

Đây là khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bắc Thái. Thông tin tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bắc Thái không được trình bày do tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 công ty này chưa có báo cáo tài chính.

**10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>30/6/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (i)	83.652.273.197	42.835.877.290
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (ii)	107.057.600.726	79.240.908.287
Công ty Tài chính Dệt may Việt Nam (iii)	8.523.220.737	2.180.000.000
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam (iv)	38.619.421.564	-
Khoản vay ngắn hạn khác (v)	1.464.180.390	1.550.683.500
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>		
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	42.782.307.839	41.584.584.665
	<b><u>282.099.004.453</u></b>	<b><u>167.392.053.742</u></b>

- i. Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 220/2009/156 ngày 07 tháng 5 năm 2009 với hạn mức tín dụng là 90 tỷ đồng Việt Nam (bao gồm cả vay VND và USD) với mục đích phục vụ cho nhu cầu bổ sung vốn lưu động và mở L/C nhập khẩu của Công ty. Khoản vay bằng VND chịu lãi theo tỷ lệ lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau cộng với biên độ tối thiểu 3,2%/năm nhưng không thấp hơn 14%/năm. Khoản vay bằng USD chịu lãi theo tỷ lệ lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau cộng biên độ tối thiểu 3%/năm nhưng không thấp hơn 6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bởi máy móc thiết bị may công nghiệp với giá trị là 1.640 triệu VND, nhà xưởng và quyền sử dụng đất Văn phòng Công ty với giá trị là 13.066 triệu VND

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- ii. Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 01/10/HĐHMBS ngày 08 tháng 02 năm 2009 với hạn mức tín dụng là 143 tỷ VND (bao gồm cả vay bằng VND và USD) nhằm bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản của Công ty, bao gồm: toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác (nếu có), các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng và các hình thức bảo đảm khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- iii. Khoản vay từ Công ty Tài chính Dệt may Việt Nam theo các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 06/2010/HĐKT ngày 12 tháng 3 năm 2010 với lãi suất là 1%/tháng và Hợp đồng tín dụng số 20/2010/HĐKT ngày 11 tháng 5 năm 2010 với lãi suất là 1,16%/tháng để thanh toán tiền mua nguyên phụ liệu.
- iv. Khoản vay từ Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC Việt Nam theo Thư gia hạn đề nghị cung cấp tiện ích chung tài khoản số 002-107027 ngày 20 tháng 4 năm 2010 với hạn mức tín dụng là 2 triệu USD hoặc tương đương bằng VND nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động của Công ty. Với khoản vay dành cho nhập khẩu và tiện ích chiết khấu hóa đơn, lãi suất được tính bằng lãi suất cho vay cơ bản USD của thời hạn tương ứng cộng với 2,5%/năm (đối với khoản vay bằng USD) hoặc lãi suất cho vay cơ bản VND của thời hạn tương ứng cộng với 2,5%/năm (đối với khoản vay bằng VND). Với khoản vay phục vụ mở tín dụng chứng từ, phí mở tín dụng chứng từ là 0,1%/tháng (tối thiểu là 1 triệu VND, tối đa là 60 triệu VND). Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp các khoản phải thu của Công ty với trị giá 2 triệu USD, hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho với trị giá 2 triệu USD.
- v. Khoản vay ngắn hạn khác từ cán bộ công nhân viên của Công ty nhằm phục vụ cho nhu cầu bổ sung vốn lưu động của Công ty với các mức lãi suất như sau: 3%/năm cho khoản vay không kỳ hạn, 11,7% cho khoản vay kỳ hạn 3 tháng và 12% cho khoản vay kỳ hạn 6 tháng.

**11. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>30/6/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	49.050.397.104	63.329.431.255
Vay dài hạn khác	-	2.842.597.200
	<b>49.050.397.104</b>	<b>66.172.028.455</b>

Các khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên bao gồm:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm 2007 với hạn mức tín dụng là 78,918 tỷ VND trong thời hạn 5 năm phục vụ cho nhu cầu xây dựng Nhà máy TNG Sông Công của Công ty. Khoản vay này chịu lãi bằng lãi suất tiết kiệm bình quân 12 tháng trả sau của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên cộng phí tối thiểu 4%/năm cho những khoản vay bằng đồng Việt Nam và lãi suất SIBOR 12 tháng cộng tối thiểu 3,2%/năm cho những khoản vay bằng đô la Mỹ.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2007/HĐ ngày 14 tháng 12 năm 2007 với hạn mức tín dụng là 72,089 tỷ VND trong thời hạn 5 năm phục vụ cho nhu cầu xây dựng Nhà máy TNG Sông Công - Giai đoạn 2 của Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm bình quân 12 tháng trả sau của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thái Nguyên cộng phí tối thiểu 4%/năm cho những khoản vay bằng đồng Việt Nam và lãi suất SIBOR 12 tháng cộng tối thiểu 3,2%/năm cho những khoản vay bằng đô la Mỹ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**

Số 160, đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên

Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- Các khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên được đảm bảo bằng nhà xưởng và máy móc, thiết bị hình thành từ khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 112.624.928.954 VND.

Các khoản vay được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	<b>30/6/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	42.782.307.839	41.584.584.665
Trong năm thứ hai	33.928.080.000	42.300.176.651
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	15.122.317.104	23.871.851.804
Sau năm năm	<b>91.832.704.943</b>	<b>107.756.613.120</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	42.782.307.839	41.584.584.665
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>49.050.397.104</b>	<b>66.172.028.455</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 160, đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên

Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2009</b>	<b>54.300.000.000</b>	<b>3.360.000.000</b>	<b>54.994.591</b>	-	<b>4.587.587.205</b>	<b>1.197.000.000</b>	-	<b>19.714.160.697</b>	<b>83.213.742.493</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	18.251.126.228	18.251.126.228
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(8.688.000.000)	(8.688.000.000)
Trích quỹ	-	-	-	-	5.914.160.667	1.971.000.000	986.000.000	(11.026.160.697)	(2.155.000.030)
Chênh lệch tỉ giá đánh giá lại cuối năm cuối năm	-	-	-	(2.004.592.366)	-	-	-	-	(2.004.592.366)
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	22.320.526	22.320.526
<b>Số dư tại ngày 01/01/2010</b>	<b>54.300.000.000</b>	<b>3.360.000.000</b>	<b>54.994.591</b>	<b>(2.004.592.366)</b>	<b>10.501.747.872</b>	<b>3.168.000.000</b>	<b>986.000.000</b>	<b>18.273.446.754</b>	<b>88.639.596.851</b>
Tặng vốn trong kỳ (i)	32.575.500.000	13.518.086.362	-	-	-	-	-	-	46.093.586.362
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	9.388.454.390	9.388.454.390
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	-	-	(5.430.000.000)	(5.430.000.000)
Chênh lệch tỉ giá công nợ phải thu phải trả ngắn hạn cuối kỳ	-	-	-	210.501.333	-	-	-	-	210.501.333
Trích quỹ (iii)	-	-	-	-	3.957.900.982	912.556.311	912.556.311	(7.608.126.227)	(1.825.112.623)
Hoàn nhập bút toán đánh giá chênh lệch tỉ giá năm trước	-	-	-	2.004.592.366	-	-	-	-	2.004.592.366
Tặng do xác định lại thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 (iv)	-	-	-	-	-	-	-	1.203.421.133	1.203.421.133
<b>Số dư tại ngày 30/6/2010</b>	<b>86.875.500.000</b>	<b>16.878.086.362</b>	<b>54.994.591</b>	<b>210.501.333</b>	<b>14.459.648.854</b>	<b>4.080.556.311</b>	<b>1.898.556.311</b>	<b>15.827.196.050</b>	<b>140.285.039.812</b>

(i): Ngày 11 tháng 6 năm 2010, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành ra công chúng theo Giấy chứng nhận số 489/UBCK-GCN ngày 4 tháng 1 năm 2010 với số lượng chứng khoán niêm yết bổ sung là 3.257.550 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 86.875.500.000 VND.

(ii): Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chia cổ tức đợt 1 năm 2009 với tỷ lệ 10% (100 cổ phiếu sẽ được nhận cổ tức là 10 cổ phiếu mới) cho các cổ đông bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Tổng số cổ tức tương ứng với phần tăng vốn điều lệ là 5.430.000.000 VND.

(iii) Việc trích quỹ trong kỳ của Công ty thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2010.

(iv): Công ty xác định lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009 theo quy định tại Công văn số 7250/BTC-TCT ngày 07 tháng 6 năm 2010 của Tổng Cục thuế "Hướng dẫn một số nội dung cần lưu ý khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009".

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**

Số 160, đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên

Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>10.586.855.840</b>	<b>9.730.541.103</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	-	<b>(4.066.111.208)</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	4.066.111.208
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>10.586.855.840</b>	<b>5.664.429.895</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.198.401.450</b>	<b>566.442.990</b>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại</b>	-	-
<b>Tổng cộng thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.198.401.450</b>	<b>566.442.990</b>

Số thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 là số liệu tạm tính. Công ty sẽ xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức khi lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**14. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
	VND	VND
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>9.388.454.390</b>	<b>9.164.098.113</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận thuần để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>9.388.454.390</b>	<b>9.164.098.113</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.823.508	5.430.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.376</b>	<b>1.688</b>
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

**15. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2009
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	699.335.347	578.414.131

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 21 tháng 7 năm 2010 đã thông qua phương án xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc chào bán cổ phần ra công chúng để tăng vốn điều lệ. Tổng số lượng cổ phiếu phát hành và chào bán là 4.773.775 cổ phiếu, trong đó 430.000 cổ phiếu dự kiến sẽ chào bán cho cán bộ quản lý trong Công ty; 4.343.775 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu với giá không thấp hơn 10.000 VND.

**17. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

- Công ty có cam kết bán 10 xe ô tô cho một số cán bộ quản lý của Công ty với nguyên giá và khấu hao lũy kế đang phân ánh tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 tương ứng là 5.244.766.090 VND và 1.253.874.751 VND. Cam kết này sẽ được thực hiện sau 3 năm kể từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.
- Công ty có cam kết tiếp tục góp đủ 15% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Cung ứng Vật tư Dệt may Việt Nam. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2010, Công ty đã góp được 1,3 tỷ VND.

**18. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này. Số đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán, số liệu đầu kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 đã được soát xét.

\*\*\*